TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 239/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/07/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du

Ông Trần Văn Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2026/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H (nay là ấp H), xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L là ông Phan Văn H, Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Vĩnh Long).

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng K, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H (nay là ấp H), xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị L trình bày: Chị L và anh K chung sống năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K bạo lực gia đình nên chị không chịu được, đến đầu năm 2020 thì anh chị ly thân cho đến nay, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 18/8/2000, Trần Thị Tuyết N1, sinh ngày 15/4/2003 và Trần Thị Trúc N2, sinh ngày 19/4/2013, cháu N và Tuyết N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trúc N2 đang sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu Trúc N2, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Hoàng K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có bản khai gửi Tòa án theo Thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án theo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, con chung Tuyết N và Tuyết N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu nuôi con chung Trúc Ngân, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lê Thị Mộng L như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh K, giao cháu Trúc N2 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh K được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2003 tại UBND xã H (nay là xã H) nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh K bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Anh K không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L là đã từ bỏ quyền lợi. Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh K đã ly thân một thời gian dài không hạnh phúc, không cải thiện được cuộc sống chung nên xử cho chị L được ly hôn với anh K là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh K có 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 18/8/2000, Trần Thị Tuyết N1, sinh ngày 15/4/2003 và Trần Thị Trúc N2, sinh ngày 19/4/2013, cháu N và Tuyết N1 đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L yêu cầu được nuôi cháu Trúc N2, xét thấy cháu T N2 đang sống với chị L, cuộc sống của cháu tốt, sức khỏe bình thường, cháu Trúc N2 có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Thị Trúc N2 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mộng L.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng L được ly hôn với anh Trần Hoàng K.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Trúc N2, sinh ngày 19/4/2013 cho chị Lê Thị Mộng L tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trần Hoàng K không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mộng L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Mộng L phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng theo biên lai thu số

0004578 ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Lê Thị Mộng L đã nộp xong.

3. Án xử công khai sơ thẩm, đối với đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung